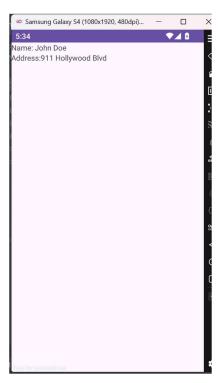
### PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG

- I. GIỚI THIỆU
- II. THỰC HÀNH

### 1. LinearLayout

a) Khởi tạo LinearLayout bằng code



Mô tả ngắn gọn:

Giao diện chính gồm:

- Container chính (IIParentContainer): Là một LinearLayout dạng dọc(vertical) chứa các thành phần:
  - + IlNameContainer: Một hàng (LinearLayout ngang) chứa TextView hiển thị tên "Name: John Doe".

# LAB 01.2

### PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG

+ IIAddressContainer: Một hàng khác chứa TextView hiến thị địa chỉ

"Address: 911 Hollywood Blvd".

Trong onCreate, các container được tạo ra và thêm vào container chính, rồi hiển thị trên màn hình khi gọi setContentView.

App sẽ hiển thị:

Name: John Doe

Address: 911 Hollywood Blvd

#### b) Sử dụng LinearLayout trong file xml

#### Mô tả (hình bên trái)

Sử dụng giao diện LinearLayout lồng nhau, chia màn hình thành nhiều phần với các hướng dọc (vertical) và ngang (horizontal).

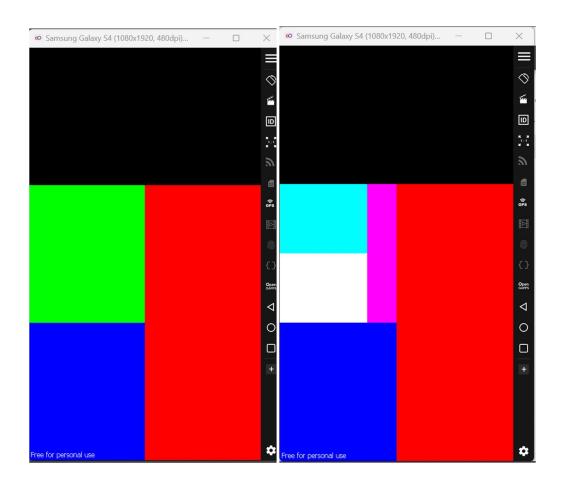
- Bố cục ngoài cùng: Một LinearLayout dọc (vertical), chứa hai phần chính.
  Phần 1: Một LinearLayout ngang (horizontal), chiếm 1/3 màn hình, có màu nền đen.
  - Phần 2: LinearLayout thứ hai chiếm 2/3 màn hình, chứa hai cột ngang (horizontal):
  - + Cột trái: Một LinearLayout dọc (vertical) chứa hai ô ngang (horizontal) với màu xanh lá và xanh dương.
    - + Cột phải: Một LinearLayout với màu nền đỏ chiếm toàn bộ chiều cao.

### Mô tả (hình bên phải)

- Tương tự nhưng ô màu xanh lá ở trên thay bằng một Linear Layout dọc vertical chứa 2 phần con:
- + Cột trái chia làm 2 ô: xanh dương nhạt và trắng
- + Cột phải là ô màu hồng.

LAB 01.2

### PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG



### PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG

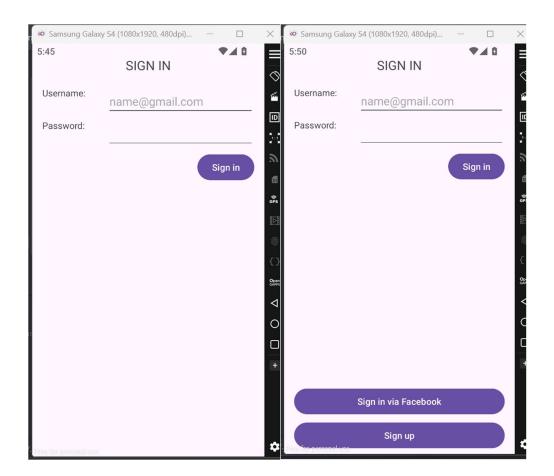
#### 2. RelativeLayout

Chạy thử chương trình được giao diện như hình bên trái.

Form đăng nhập bằng RelativeLayout cho phép sắp xếp các thành phần con dựa trên mối quan hệ vị trí với các thành phần khác.

- + tv\_sign\_in : được căn giữa theo chiều ngang của màn hình, và tạo không gian phía trên bằng marginTop.
- + tv\_user\_name: Được đặc dưới tv-sign\_in bằng thuộc tính below, và căn lề trái sao cho thảng hàng với màn hình bằng alignParentLeft="true".
- + et\_username: được căn hàng với tv\_user\_name bằng thược tính alignTop, được đặc bên phải của tv\_user\_name bằng toRightOf và cho nhập tên bên phải của nhãn.
- + tv\_password: được đặc bên dưới et\_username bằng thuộc tính below, cũng được căn lề bên trái như tv\_user\_name.
- + et\_password: được đặt ngang hàng với tv\_password nhờ thuộc tính alignTop, đặt bên phải tv\_password với thuộc tính toRightOf.
- + btn\_sign\_in : được đặt bên dưới cái nhập mật khẩu bằng below, và được căn lề bên phải với thuộc tính alignParentRight để hiển thị cạnh phải màn hình.
- Để ra được giao diện bên phải thì tạo 2 nút với chiều rộng toàn màn hình còn chiều cao thì vừa đủ hiển thị. Sau đó để nút signt\_in1 nằm trên nút signup bằng thuộc tính above, còn nút signup thì để cho nó nằm cuối cùng của giao diên ta dùng alignParentBottom.

#### PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG



## Làm lại bài 2 bằng ContraintLayout

- + tv\_sign\_in: Được căn giữa màn hình ngang với thuộc tính app:layout\_constraintStart\_toStartOf="parent" và app:layout\_constraintEnd\_toEndOf="parent". Căn trên so với giao diện chính với thuộc tính app:layout\_constraintTop\_toTopOf="parent". Có lề trên @dimen/margin\_basex4.
- + tv\_user\_name: Được căn trái với thuộc tính constraintStart\_toStartOf="parent". Nằm dưới tv\_sign\_in nhờ thuộc tính constraintTop\_toBottomOf. Khoảng cách trên được định nghĩa với @dimen/margin basex4.
- + et\_username: Căn ngang bên phải của tv\_user\_name với thuộc tính constraintStart\_toEndOf. Căn phải so với giao diện chính

### PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG

với\_constraintEnd\_toEndOf="parent". Rộng theo tỷ lệ 70% của màn hình với thuộc tính constraintWidth percent="0.7".

- + tv\_password: Được đặt dưới et\_username với constraintTop\_toBottomOf Căn trái với thuộc tính constraintStart\_toStartOf="parent". Khoảng cách trên @dimen/margin\_base.
- + et\_password: Được căn ngang với tv\_password nhờ thuộc tính app:layout\_constraintStart\_toEndOf. Căn phải với constraintEnd\_toEndOf="parent". Có chiều rộng chiếm 70% màn hình (onstraintWidth\_percent="0.7").
- + btn\_sign\_in: Được đặt dưới et\_password với constraintTop\_toBottomOf Căn phải với giao diện chính bằng thuộc tính constraintEnd toEndOf="parent".
- + btn\_sign\_in1: Nút này có chiều rộng full màn hình (layout\_width="match\_parent"). Được căn ngay phía trên của nút btn\_signup với constraintBottom toTopOf
- + btn\_signup: Được căn dưới cùng của màn hình với constraintBottom toBottomOf="parent".

LAB 01.2

### PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG

